

Số: 1705 /QĐ - UBND

Hải Phòng, ngày 03 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ doanh nghiệp là công ty TNHH một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Môi trường đô thị thành Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 33 /KHĐT-DNKTTTTN ngày 14/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng sửa đổi và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng gồm 13 Chương và 38 Điều.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế thành phố, Thủ

trường các ngành liên quan, Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CPVP;
- CV: ĐMDN, TC, NC, XD;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Sơn

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 03/7/2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

**Chương I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
2. *Vốn Điều lệ* là số vốn của Chủ sở hữu đầu tư và được ghi tại Điều lệ Công ty.
3. *Vốn góp chi phối* là vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.
4. *Công ty* trong Điều lệ này được hiểu là Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng.
5. *Đơn vị trực thuộc* là các đơn vị phụ thuộc Công ty, có thể tự chủ về tài chính, hạch toán theo phân cấp của Công ty.
6. *Sản phẩm công ích* là sản phẩm do công ty dịch vụ tạo ra theo đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch của Chủ sở hữu không vì mục tiêu lợi nhuận.
7. *Người quản lý Công ty* là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty.
8. *Người đại diện theo uỷ quyền* là cá nhân được Chủ tịch Công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Chủ tịch Công ty tại Công ty.
9. *Các từ ngữ khác* trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong bộ luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên gọi của Công ty

- Công ty được thành lập theo Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng “Về việc chuyển Công ty Môi trường đô thị Hải Phòng thành Công ty TNHH một thành viên” .

- Công ty được Tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt.

1. Tên Công ty

+ Tên tiếng Việt: **Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng**

+ Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: ***Hai Phong Urban Environment One Member Limited Company***

+ Tên viết tắt: **HPURENCO, Ltd.**

2. Trụ sở chính:

+ Địa chỉ: Số 1 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

+ Điện thoại: 02253.823250

Fax: 02253.823542

Điều 3. Tư cách pháp nhân Công ty

- Công ty là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được thành lập theo hình thức chuyển từ công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước.

- Công ty có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng riêng, thương hiệu riêng của công ty theo quy định của pháp luật.

- Công ty được sử dụng con dấu theo quy định; độc lập về tài sản, được mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; Là đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo thống kê, kế toán, kiểm toán và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4: Thời hạn hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thời gian bắt đầu hoạt động tính từ ngày được cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty do Chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành Công ty

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật. Chi phối hoạt động của Công ty là Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó đồng thời phải phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức nêu trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của mình để phục vụ dịch vụ, sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CÁCH THỨC ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: **7.995.320.000** đồng (*Bảy tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng*), vốn điều lệ thuộc sở hữu của Nhà nước do ngân sách nhà nước cấp.

2. Công ty thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;

b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 74 của Luật Doanh nghiệp

3. Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc Chủ sở hữu đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác.

4. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải đăng ký chuyển đổi mô hình theo quy định tại Khoản 3 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.

Chương III

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Chủ sở hữu

- Chủ sở hữu của Công ty: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Địa chỉ: Số 18, phố Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điều 9. Quyền của Chủ sở hữu Công ty

a) Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức năng quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty;

d) Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

h) Quyết định thành lập Công ty con, góp vốn vào Công ty khác;

i) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của Công ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;

l) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn toàn giải thể hoặc phá sản;

m) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;

n) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

Điều 10. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty

1. Góp vốn đủ và đúng hạn đã ghi trong Điều lệ; trường hợp không đủ và đúng hạn số vốn đã ghi trong Điều lệ thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

3. Phải xác định và tách bạch tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản Công ty.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và chủ sở hữu Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

Điều 11. Hạn chế quyền của Chủ sở hữu Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chuyển nhượng.

2. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 12. Quản lý, giám sát của chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Chủ sở hữu Công ty uỷ quyền, phân cấp các cơ quan chuyên môn (tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố) thực hiện nội dung quản lý, giám sát của Chủ sở hữu đối với Công ty:

1. Về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động:

a) Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh chủ yếu, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của công ty;

b) Danh mục đầu tư, việc đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề không liên quan tới ngành nghề kinh doanh chính; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

c) Nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Về vốn và tài chính:

a) Việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty;

b) Tình hình đầu tư, nợ và khả năng thanh toán nợ của công ty;

c) Kết quả hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước;

d) Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty; tốc độ tăng tiền lương bình quân so với tốc độ tăng năng suất lao động của công ty;

đ) Tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ công ty.

3. Về tổ chức và cán bộ:

a) Việc tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty; chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty; sửa đổi điều lệ công ty; thành lập công ty con và thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mục tiêu, nhiệm vụ hoặc hợp đồng quản lý công ty, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Tổng giám đốc công ty.

4. Việc chấp hành các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và Điều lệ công ty.

5. Những nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo của Chủ tịch công ty và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố trong giải quyết kiến nghị của Chủ tịch công ty

1. Chế độ thông tin, báo cáo của Chủ tịch công ty với Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm, Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh theo quy định tại khoản 14 Điều 20 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về quyết định của Chủ tịch công ty về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc; các vấn đề phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận quy định tại Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch công ty thì Chủ sở hữu phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời công ty đối với các vấn đề sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP (Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

c) Các quyết định quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP (Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi

sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con để công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật); góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

d) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đó hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc;

Chương IV

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 14. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ do chủ sở hữu định hướng nhằm (đáp ứng nhiệm vụ dịch vụ công ích) và tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động;

- Từng bước cải thiện cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của người lao động. Phát triển doanh nghiệp một cách bền vững trong cơ chế thị trường, góp phần vào việc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

Điều 15. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
1	Thu gom rác thải, không độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải, chất thải, phế liệu không độc hại	3811 (chính)
2	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải, chất thải, phế liệu độc hại, chất thải nguy hại: Thu gom rác thải y tế; Thu gom rác thải, chất thải, phế liệu độc hại, nguy hại tại sông,	3812

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
	cảng biển	
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải, chất thải, phế liệu không độc hại	3821
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải, chất thải, phế liệu độc hại, chất thải nguy hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; Xử lý và tiêu hủy rác thải, chất thải, phế liệu độc hại, nguy hại tại sông, cảng biển.	3822
5	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại; Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
6	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
7	Thoát nước và xử lý thoát nước	3700
8	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa, rác thải, chất thải, chất thải nguy hại, chất thải y tế, phế liệu độc hại và không độc hại ven biển và viễn dương	5012
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa, rác thải, chất thải, chất thải nguy hại, chất thải y tế, phế liệu độc hại và không độc hại bằng đường bộ	4933
10	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa, rác thải, chất thải, chất thải nguy hại, chất thải y tế, phế liệu độc hại và không độc hại đường thủy nội địa	5022
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, đất núi	0810
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông	2395
13	Sản xuất xe có động cơ	2910
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành vệ sinh môi trường	7730
15	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải chuyên dùng ngành vệ sinh môi trường	3099
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
	Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị ngành vệ sinh môi trường	
18	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
19	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
20	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ phục vụ môi trường	7490
21	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm); Môi giới hàng hóa (không bao gồm môi giới tài chính, bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm)	4610
22	Xây dựng công trình công ích	4220
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, cải tạo các công trình vệ sinh, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình xử lý môi trường	4290
24	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
25	Phá dỡ	4311
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
27	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành xử lý môi trường	4659
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đất sét, đất đỏ	4663
31	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (không bao gồm thuốc trừ sâu); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
33	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
	Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	
34	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
35	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ dự án đánh giá tác động môi trường, quan trắc môi trường; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp 3)	7020
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (bao gồm cho thuê văn phòng)	6810
37	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; container	5210
38	Bốc xếp hàng hóa	5224
39	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị, dịch vụ lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, quan trắc môi trường	7110
40	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
41	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
42	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: Làm sạch nhà cửa, các công trình	8121
43	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
44	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường, phun nước chống bụi các công trình xây dựng; Dịch vụ vệ sinh ga hàm ếch, vớt rác sông hồ	8129
45	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Làm sạch công trình công cộng, tưới rửa đường, hè; Vận hành đài phun nước; Quản lý duy trì tượng đài, quản lý, dịch vụ, trồng mới và chăm sóc vườn hoa, cây xanh; Quản lý điện chiếu sáng, điện trang trí nghệ thuật	8130
46	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	8299

Stt	Ngành nghề	Mã ngành
47	Giáo dục khác chưa được phân công vào đâu Chi tiết: Đào tạo nghiệp vụ trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị	8559
48	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội chợ	8230
49	(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động xây dựng khi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Xây dựng)	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Điều 16. Công ty có những quyền hạn sau:

- a) Công ty có quyền quản lý, sử dụng, bảo toàn các nguồn vốn do Chủ sở hữu giao quản lý bao gồm: Tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- b) Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý công ty theo quyết định của Chủ sở hữu nhằm tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty;
- c) Chủ động đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- d) Kinh doanh những ngành nghề kinh doanh được ghi trong giấy phép kinh doanh;
- đ) Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước;
- e) Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá;
- h) Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- i) Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- k) Tuyển chọn điều hành, bố trí sử dụng, đào tạo và đào tạo lại theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh; quyết định các hình thức trả lương theo quy định của Bộ luật Lao động và pháp luật hiện hành;

l) Có quyền khen thưởng và xử lý vi phạm nội quy kỷ luật lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;

m) Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của nhà nước sau khi được Chủ sở hữu chấp thuận;

n) Được phép áp dụng các Luật, Quy định chuyên ngành về cùng một vấn đề;

o) Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của nhà nước và quyết định của Chủ sở hữu;

p) Đối với sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, Công ty có quyền:

p.1) Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá thực hiện thầu hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

p.2) Được bảo đảm thời hạn sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

p.3) Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

p.4) Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi như nhau cho mọi đối tượng khách hàng.

q) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

r) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan

Điều 17. Công ty có những nghĩa vụ sau:

- Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước nhà nước và Chủ sở hữu về kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp;

- Công ty có nghĩa vụ nhận và quản lý vốn, tài sản, đất đai và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu giao để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, dịch vụ đạt hiệu quả cao nhất, luôn bảo toàn và phát triển vốn;

- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu của thị trường;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các Hợp đồng kinh tế đã ký kết;

- Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; Thỏa ước lao động tập thể;

- Thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng chống cháy nổ;

- Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Thực hiện các quy định của nhà nước về quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của tập thể cán bộ công nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong hoạt động quản lý;

- Đối với sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, Công ty có nghĩa vụ:

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY**

Điều 18. Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên.

Điều 19. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty do chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

Chủ tịch Công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chủ tài khoản Công ty.

2. Chủ tịch Công ty có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty;

b) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty tại thời điểm gần nhất;

c) Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ hoặc không vượt quá 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán tại thời điểm gần nhất.

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ công ty, biên chế bộ máy quản lý;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc Công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng (phó) các phòng, ban, Giám đốc (Phó Giám đốc) các xí nghiệp và các chức danh quản lý khác của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

g) Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ;

i) Đề nghị chủ sở hữu công ty chấp thuận các vấn đề quan trọng của công ty quy định tại Điều lệ công ty;

k) Tổ chức thực hiện các quyết định của chủ sở hữu công ty;

l) Báo cáo chủ sở hữu công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quyết định của Chủ tịch Công ty về các vấn đề sau đây phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Các quyết định quy định tại điểm c, d trong khoản 2 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty làm mất quyền chi phối của công ty;

d) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

4. Chủ tịch công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định như sau:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty phải là công dân Việt Nam;

b) Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

5. Chủ tịch Công ty do chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

6. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của công ty.

b) Để công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ.

c) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ công ty quy định; trong trường hợp này Kiểm soát viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thay thế Chủ tịch Công ty;

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Xin từ chức;

e) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

g) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

h) Trong thời hạn 02 năm khi công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận;

i) Các trường hợp khác theo quyết định của chủ sở hữu công ty phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ quy định của Luật Doanh nghiệp. Cụ thể là các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

8. Chế độ làm việc của Chủ tịch công ty thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Tổng Giám đốc công ty

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Thời hạn bổ nhiệm của Tổng Giám đốc không quá 05 năm.

Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp như sau:

- a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và Phương án đầu tư của công ty;
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;
- đ) Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;
- e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;
- i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Có kế hoạch trình Chủ tịch công ty tuyển dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động;
- m) Đối với các đơn vị thành viên, Tổng giám đốc có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - m.1) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Chủ tịch công ty; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các đơn vị thành viên;
 - m.2) Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ công ty;
 - m.3) Đề nghị Chủ sở hữu quyết định cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác.
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Không được tăng lương, chi trả tiền thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và hợp đồng ký với Chủ tịch Công ty.

e) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của công ty.

f) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

g) Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho công ty.

4. Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, cách chức theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên: Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm 1 (một) Kiểm soát viên chuyên trách, nhiệm kỳ 3 năm. Kiểm soát viên được hưởng phụ cấp chức vụ như Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty và theo quy định hiện hành.

Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định: Chủ tịch Công ty, người bổ nhiệm Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty hoặc Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

c) Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

3. Quyền của Kiểm soát viên

- Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Chủ tịch công ty, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

- Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

4. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

a) Có đủ năng lực thi hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Chủ sở hữu là người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên.

c) Có trình độ Đại học hoặc kinh nghiệm về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 22. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 người, là Chủ tịch Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện

theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

c) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Điểm b) Khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu Công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục 3.1 Khoản 3 Điều này.

Chương VI

THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY, NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 23. Công ty có quyền khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của Luật Khiếu nại tố cáo để bảo vệ quyền lợi công ty trước pháp luật.

Điều 24. Mọi khiếu nại liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu do Chủ sở hữu giải quyết. Nếu Chủ sở hữu giải quyết không thoả đáng thì người tố tụng mới có quyền yêu cầu Toà án can thiệp.

Điều 25. Công ty có quyền bình đẳng với mọi pháp nhân hoặc thể nhân khác khi có tranh chấp hay tố tụng trước pháp luật.

Điều 26. Mọi tranh chấp, khiếu kiện về các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đơn vị sản xuất, kinh doanh khác được giải quyết bằng thương thảo, đàm phán trực tiếp giữa hai bên hoặc tại Toà án kinh tế theo nội dung trong Hợp đồng ký kết.

Chương VII

CHẾ ĐỘ THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên

1. Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm và hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ; mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoặc kiểm soát.

2. Quý I hàng năm xây dựng đơn giá tiền lương và báo cáo Chủ sở hữu cho ý kiến trước khi Chủ tịch Công ty quyết định. Xây dựng, trình Chủ sở hữu thẩm định quỹ tiền lương của chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

3. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng các thành viên chuyên trách bao gồm: Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng được tạm ứng 70% số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

Đối với tiền thưởng các thành viên chuyên trách nêu trên chỉ được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm, số 30% còn lại được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

b) Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu ở mục a khoản 3 Điều này, căn cứ vào quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát đánh giá đối với Công ty TNHH một thành viên do Bộ Tài chính ban hành. Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý và điều hành hoặc kiểm soát không đáp ứng được yêu cầu sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương năm và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

Chương VIII

TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 28. Hình thức tham gia quản lý Công ty của người lao động

Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu người lao động của Công ty là hình thức để người lao động trực tiếp tham gia quản lý Công ty. Người lao động trong Công ty thông qua Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu người lao động của Công ty hoặc Tổ chức công đoàn Công ty thực hiện các quyền được quy định tại điều 25 dưới đây:

Điều 29. Đại hội người lao động

1. Tham gia thảo luận xây dựng Thỏa ước lao động tập thể làm cơ sở để người đại diện tập thể lao động thương lượng và ký kết với Tổng giám đốc.
2. Thảo luận, thông qua Quy chế sử dụng các quỹ có liên quan trực tiếp đến lợi của người lao động.
3. Thảo luận, góp ý kiến về quy hoạch, kế hoạch, đánh giá hiệu quả quản lý kinh doanh, đề xuất các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.
4. Bỏ phiếu tín nhiệm hoặc giới thiệu để lấy tín nhiệm với các chức danh Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
5. Đại hội người lao động được tổ chức và hoạt động theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Liên đoàn lao động Thành phố Hải Phòng.

Chương IX

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH, DỊCH VỤ

Điều 30. Chế độ tài chính - kế toán của Công ty

1. Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng thực hiện chế độ kế toán, báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo Quy định quản lý tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn sở hữu thuộc Nhà nước do Pháp luật quy định và các văn bản về tài chính có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo cơ chế thị trường, bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng là doanh nghiệp hoạt động dịch vụ công ích, theo ngành nghề đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí theo quy định của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố. Các quy định về hỗ trợ chi phí trên phải bảo

đảm chi phí tối thiểu về tiền lương của người lao động, nguyên, nhiên vật liệu, chi phí quản lý điều hành doanh nghiệp và một phần lợi nhuận.

2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Riêng năm 2010 từ ngày đăng ký kinh doanh theo mô hình ty TNHH một thành viên và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

3. Công ty phải chấp hành pháp luật về kế toán, kiểm toán, thống kê và các văn bản pháp quy hiện hành khác về tài chính của Nhà nước.

4. Chủ tịch Công ty xem xét thông qua quyết toán tài chính năm để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan theo chế độ Nhà nước quy định.

Điều 31. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ của công ty thực hiện theo những Quy định quản lý tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn sở hữu thuộc Nhà nước do Pháp luật quy định và các văn bản về tài chính có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

2. Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ công ích theo chỉ định của Ủy ban nhân dân thành phố, việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ sẽ được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét trên cơ sở các quy định về hỗ trợ chi phí được ngân sách nhà nước cấp nhưng phải phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

Điều 32. Trong trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ

1. Chủ tịch công ty báo cáo Chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến để thực hiện theo các hình thức sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau.
- Đề xuất các biện pháp để khắc phục có hiệu quả tình trạng thua lỗ trong khuôn khổ quy định của điều lệ công ty và quy định của luật pháp hiện hành.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh, dịch vụ thua lỗ từ 2 đến 3 năm liên tục thì Chủ tịch Công ty phải xây dựng Đề án khắc phục báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đồng thời tiến hành xử lý Tổng Giám đốc theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.

Chương X

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 33. Tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu và giải thể Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng

Việc tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu và giải thể Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng do chủ sở hữu Công ty quyết định khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Trình tự, thủ tục thực hiện giải thể và thanh lý doanh nghiệp khi giải thể thực hiện theo quy định tại điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 34. Phá sản

Trong trường hợp công ty lâm vào tình trạng khó khăn hoặc bị thua lỗ, sau khi đã áp dụng đủ các biện pháp tài chính cần thiết, nhưng vẫn mất khả năng thanh toán nợ thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp.

Chương XI

CON DẤU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CON DẤU

Điều 35. Con dấu là tài sản của Công ty và phải được cất giữ tại trụ sở doanh nghiệp. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp Việt Nam.

1. Mẫu con dấu.

- Hình thức: Hình tròn
- Kích cỡ: Đường kính con dấu 36 mm
- Nội dung: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng và mã số doanh nghiệp
- Màu mực dấu: màu đỏ

2. Số lượng con dấu: 01 (một) con dấu.

Điều 36. Tổng Giám đốc điều hành công ty phải chịu trách nhiệm giữ gìn an toàn con dấu của công ty.

Chương XII

THẺ THỨC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 37. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Trong quá trình tổ chức hoạt động, Công ty được sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét phê duyệt.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIII
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ


Điều 38. Hiệu lực

Điều lệ này gồm 13 chương 38 điều, được Chủ sở hữu ban hành kèm theo Quyết định số: **1705/QĐ-UBND** ngày **03/7/2017**.

Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và có hiệu lực từ ngày ký.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY
CHỦ TỊCH CÔNG TY




Lê Ngọc Biên

CHỦ SỞ HỮU
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Thanh Sơn